

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:54/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 07/9/2023

“V/v ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu

Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ An Quân; Ông Nguyễn Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Đào.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 487/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2023/QĐST – HNGĐ ngày 26/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990.

ĐKHKT: Số 3/6/42 P, khu C, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Trú tại: Số 8/53 L, phường N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn Th, sinh năm 1990.

ĐKHKT và cư trú tại: Số 3/6/42 P, khu C, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Có mặt tại phiên tòa).

+ Người làm chứng: - Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số nhà 8, ngõ 53 L, khu 4, phường N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Có mặt tại phiên tòa).

- Bà Vũ Thị Th, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số 3/6/42 P, khu C, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên

đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Th tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th có tính gia trưởng hay chơi bời, rượu chè, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Th không thay đổi. Do không chịu đựng được tính cách của anh Th nên từ tháng 01 năm 2023 đến nay chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Th để chị ổn định cuộc sống.

- **Về quan hệ con chung:** Chị L xác định chị và anh Th có 01 con chung là Đỗ Đức M, sinh ngày 31/01/2015. Ly hôn chị xin nhận nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay chị làm công nhân của công ty TNHH SPAC Việt Nam có địa chỉ tại: Km 52 đường N, phường C, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Thu nhập hàng tháng của chị ổn định từ 8.500.000đ đến 9.000.000đ. Công việc của chị hàng tháng đều ổn định. Thời gian làm việc 8 tiếng/ngày, công ty rất ít khi làm tăng ca. Với mức thu nhập và thời gian của chị đủ khả năng chăm sóc, nuôi con. Về chỗ ở hiện nay chị đang ở cùng nhà với mẹ đẻ, nhà cửa rộng rãi thoáng mát đảm bảo chỗ ăn ở sinh hoạt của hai mẹ con. Khi chị đi làm thì có mẹ chị ở nhà trông con và đưa đón con đi học giúp chị. Mặt khác hiện nay cháu M đã được chị chuyển trường về trường tiểu học Tr, thành phố Hải Dương chỉ cách nhà mẹ đẻ chị 500m, cháu M đi học rất gần. Do vậy chị đề nghị Tòa án giao con cho chị nuôi dưỡng, chị tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- **Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:** Chị và anh Th không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết

2. Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn anh Đỗ Văn Th trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Th xác định về điều kiện và thời gian kết hôn của vợ chồng như chị L trình bày là hoàn toàn đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11 năm 2022, vợ chồng anh chị cũng sống ly thân từ đó đến nay. Anh nhiều lần tìm chị L về chung sống nhưng chị L không về. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh đồng ý.

- **Về quan hệ con chung:** Anh Th và chị L có 01 con chung là Đỗ Đức M, sinh ngày 31/01/2015. Ly hôn anh xin nhận nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay anh làm thợ sơn đi làm công trình, thu nhập của anh là 15.000.000đ/tháng đủ khả năng nuôi con. Về nghề nghiệp của anh có ai thuê sơn nhà hoặc công trình thì anh sẽ đi làm. Các bản anh xin xác nhận về thu nhập hàng tháng nộp cho Tòa án là do chủ nhà xác nhận việc anh đi làm và chủ nhà trả tiền công cho anh. Nếu không có người thuê anh đi sơn nhà thì anh sẽ đi làm cơ khí, nhưng nghề chủ yếu của anh là đi làm công sơn nhà cho nhà nào có

nhu cầu. Về chỗ ở hiện nay anh đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ, nhà cửa rộng rãi thoáng mát đảm bảo chỗ ăn ở sinh hoạt của hai bố con. Khi anh đi làm thì có bố mẹ anh ở nhà trông con cho anh đi làm.

- **Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:** Anh Th xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Người làm chứng bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà là mẹ đẻ chị L và là mẹ vợ của anh Th. Chị L và anh Th kết hôn với nhau vào năm 2014. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Th thường xuyên đánh đập, chửi bới chị L khiến chị L không chịu đựng được. Từ tháng 11 năm 2022 đến nay chị L đã về ở với bà tại phường N. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh Th bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn anh Th để chị L ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống chị L và anh Th có 01 con chung là cháu Đỗ Đức M. Từ khi chị L về ở với bà thì cháu M lúc ở với chị L, lúc ở ở anh Th. Khi cháu M về ở với chị L mà chị L đi làm bà là người chăm sóc cháu. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được nuôi con, bà sẽ cho mẹ con chị L ở nhà của bà, nhà cửa rộng rãi thoáng mát đảm bảo sinh hoạt cho mẹ con chị L và đảm bảo việc trông con, đưa đón con đi học cho chị L khi chị L đi làm.

4. Người làm chứng bà Vũ Thị Th trình bày:

Bà là mẹ đẻ anh Th và là mẹ chồng chị L. Chị L, anh Th kết hôn với nhau từ năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình bà. Quá trình chung sống vợ chồng thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn xô xát cãi nhau. Mâu thuẫn đỉnh điểm từ tháng 11 năm 2022, anh Th đi ăn cỗ về có uống rượu, vợ chồng lời qua tiếng lại với nhau, chị L tính cách ngang ngạnh dẫn đến anh Th bức tức có đánh chị L. Từ đó chị L tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại phường N ở. Từ khi chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở anh Th và gia đình bà nhiều lần đến nhà chị L khuyên bảo để chị L về chung sống với anh Th nhưng chị L kiên quyết không về. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh Th bà cũng mong muốn vợ chồng anh chị về đoàn tụ nhưng chị L kiên quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống chị L và anh Th có 01 con chung là cháu Đỗ Đức M. Khi chị L về nhà bố mẹ đẻ ở có dẫn theo con về ở cùng chị L tại nhà bố mẹ đẻ, tuy nhiên từ tháng 3 năm 2023 cháu M về ở với anh Th và gia đình bà, thời gian gần đây chị L chuyển trường cho cháu M về học gần nhà nên đã đón cháu M về sống cùng chị L. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh Th, bà Thư đề nghị Tòa án hỏi ý kiến anh chị. Trường hợp Tòa án giao con cho anh Th nuôi dưỡng thì những lúc anh Th đi làm vợ chồng bà sẽ có trách nhiệm trông nom, đưa đón con đi học cho anh Thành đi làm.

Tại phiên toà: Nguyên đơn chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Th. Chị L xin nhận nuôi con và tự nguyện

không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn anh Th đồng ý ly hôn chị L. Anh Th và xin nhận nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn Th; Về quan hệ con chung: Giao con chung Đỗ Đức M, sinh ngày 31/01/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 09 năm 2023 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Th có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; Về án phí: Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương ngày 08/10/2014, nên có đủ cơ sở xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11 năm 2022, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay. Từ khi chị L về nhà bố mẹ đẻ ở, anh Th và gia đình nhiều lần tìm chị L về chung sống nhưng chị L không về. Đến nay chị L xin ly hôn, anh Th đồng ý. Do vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn Th.

[3] **Về quan hệ con chung:** Chị L và anh Th có 01 con chung là Đỗ Đức M, sinh ngày 31/01/2015. Ly hôn chị L, anh Th đều xin nhận nuôi con và tự nguyện không yêu cầu bên không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án chị L, anh Th đều xuất trình cho Tòa án bảng lương, thu nhập hàng tháng để chứng minh thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con. Về chỗ ở cả chị L, anh Th hiện đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, gia đình chị L cũng như gia đình anh Th sẽ tạo mọi điều kiện để cho anh chị nuôi con đến khi trưởng thành.

Xét thấy: Cháu Đỗ Đức M hiện đã trên 7 tuổi và có quan điểm xin ở với chị L để chị L dạy dỗ cháu học hành. Xét về tính chất công việc và tính ổn định về thời gian làm việc thì hiện nay chị L hiện đang làm việc tại Công ty TNHH SPAC Việt Nam có mức thu nhập ổn định hàng tháng từ 8.000.000đ đến 9.000.000đ, thời gian làm việc 8 tiếng/ngày, ít khi phải làm ca. Đối với anh Th thì công việc đi sơn nhà thuê của anh Th không ổn định khi có việc thì đi làm, không có việc thì lại phải đi tìm việc khác để làm. Mặt khác, hiện nay chị L đã chuyển trường cho cháu M về học tập tại Trường tiểu học T chỉ cách nhà mẹ đẻ chị L khoảng 500m thuận tiện cho việc đưa đón cháu M. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Đỗ Đức M cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2023 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung:** Chị L và anh Th đều xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn Th mỗi người phải chịu 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Th.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 -12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn Th.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Đỗ Đức M, sinh ngày 31/01/2015 kể từ tháng 9 năm 2023 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Đỗ Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu cả 150.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp, hoàn trả chị L số tiền 150.000đ theo biên lai thu số AA/2022/0000362 ngày 19/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị Loan đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND phường T, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Trường Giang